

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA NGOẠI NGỮ TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

BÙI HIỀN

(PGS, Hội Cựu giáo chức Việt Nam)

Trong hoạt động giáo dục của nhà trường phổ thông chương trình là một văn bản pháp quy bắt buộc, là cơ sở khoa học giúp cho các nhà quản lí, giáo viên, học sinh và toàn xã hội lấy làm căn cứ xuất phát để thực hiện những chức năng cơ bản của mình : hướng dẫn, chỉ đạo chuyên môn, biên soạn sách giáo khoa và các tài liệu bổ trợ, giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả của mỗi công việc riêng biệt và của toàn bộ quá trình giáo dục. Bởi vậy chương trình luôn được coi là thước đo chuẩn mực chính thức đầu tiên không thể thiếu được của giáo dục trong nhà trường. Sở dĩ chương trình đóng vai trò, vị trí quan trọng như vậy là do nó chứa đựng ở trong mình những yếu tố chủ chốt nhất của hoạt động giáo dục trong nhà trường giúp cho mọi thành phần tham gia giáo dục ở cả 3 môi trường nhà trường, gia đình, xã hội (chủ thể, khách thể và quản lí giáo dục) có thể hướng theo mục đích giáo dục và luôn luôn bám sát chúng trong quá trình thực hiện chức năng của mình như sau:

1. Mục đích đưa môn học vào chương trình giáo dục để làm gì.
2. Vị trí môn học trong tổng thể kế hoạch đào tạo: số tiết/tuần, số năm học, năm bắt đầu và năm kết thúc môn học.
3. Mục tiêu môn học từng năm học và mục tiêu cuối cùng toàn khoá.

4. Nội dung, mức độ yêu cầu các mặt giáo dục bộ môn qua từng năm học và toàn khoá học.

5. Phương pháp chủ đạo dạy và học của bộ môn.

6. Chuẩn chất lượng tối thiểu cho từng năm học và cho toàn khoá.

7. Hình thức đánh giá chất lượng thường xuyên, định kì và toàn năm, toàn khoá (kiểm tra, thi nói hoặc viết).

8. Giá trị của kết quả học tập bộ môn trong quá trình giáo dục chung: điểm tham khảo hay bắt buộc, điểm bình thường hay có hệ số.

Trước khi đi vào xem xét chương trình bộ môn ngoại ngữ, cần tìm hiểu rõ bản chất của ngoại ngữ với những tính năng và công dụng của nó trong đời sống xã hội. Qua phân tích ta có thể thấy, mọi thứ ngoại ngữ đều mang trong mình các chức năng giáo dục cụ thể như sau:

1/ Ngoại ngữ làm công cụ giúp cho người đã học giao tiếp được với người khác biết ngoại ngữ đó.

2/ Ngoại ngữ có khả năng góp phần giáo dục nhân cách.

3/ Ngoại ngữ dùng làm phương tiện giúp cho người học có thể hoàn thiện thêm tiếng mẹ đẻ và nâng cao một phần khả năng tư duy ngôn ngữ.

4/ Ngoại ngữ là kho chứa mọi giá trị văn hoá, đồng thời là công cụ chuyển tải các

thông tin, do đó nó cũng có thể ảnh hưởng vừa tốt vừa không tốt đến người học.

5/ Ngoại ngữ có thể là phương tiện chuyển tải một phần giá trị văn hoá bản địa của cộng đồng người học ra bên ngoài.(1).

Ngay từ sau ngày Độc lập và trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, Bộ Giáo dục đã cho học song song hai ngoại ngữ từ đệ nhất trung học (tương đương lớp 5/12) trở lên theo kế hoạch dạy học: tiếng Pháp 3t/tuần, tiếng Anh 2t/tuần. Chương trình bộ môn thì chưa có, tài liệu giáo khoa thì cho phép dạy theo các bài tự soạn của giáo viên, còn tiếng Anh thì chủ yếu dạy theo bộ L'Anglais vivant. Tuy là vào đệ nhất trung học mới được học ngoại ngữ, nhưng học sinh lúc bấy giờ đều đã học qua tiếng Pháp ở bậc tiểu học 5-6 năm thời Pháp thuộc, nên đã có thể dùng được sách tham khảo các bộ môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Pháp. Chỉ có tiếng Anh là bắt đầu từ ABC. Tất cả những vấn đề cơ bản của chương trình môn ngoại ngữ nêu trên chưa được đề cập đến trong các văn bản của Bộ, nhất là về mục đích, mục tiêu, yêu cầu đối với bộ môn, do đó việc dạy học có thể nói là chỉ dựa hoàn toàn vào sự hiểu biết và kinh nghiệm của giáo viên từ thời kì Pháp thuộc. Cho nên theo nếp cũ, những yêu cầu nắm ngoại ngữ được đặt ra rất cao cả về kiến thức lẫn các kĩ năng giao tiếp, không kém tiếng Pháp thời thuộc địa là bao. Đặc biệt phải nói là thời kì đó ngoại ngữ được đặt trong nhóm bộ môn có hệ số cao, nghĩa là điểm thi cuối năm và thi tốt nghiệp tiếng Pháp đều được nhân lên 3 lần để tính điểm bình quân cả năm, nên rất có lợi khi thi đạt điểm cao, và ngược lại sẽ rất bất lợi khi bị điểm dưới trung bình, vì hầu như không thể lấy điểm của các môn hệ số 1 (lịch sử, địa lí, văn vật...) lấp nổi 3 lần hụt điểm ấy. Vì thế học sinh nào cũng lo học tốt môn ngoại ngữ. Ngày nay khi bàn về vấn đề dạy học ngoại

ngữ nhiều người, nhất là các vị lão thành, thường phê phán chất lượng quá kém so với ngày xưa, bởi vì không theo kinh nghiệm của người Pháp, người Anh-Mĩ. Song đó chỉ là sự so sánh khập khiễng, cảm tính, mà không dựa trên những cơ sở khoa học đầy đủ về giáo dục học bộ môn ngoại ngữ. Thực chất là người ta đã nhầm lẫn vai trò và chức năng của môn ngoại ngữ trong trường phổ thông với vị trí, chức năng của thứ tiếng được lấy làm quốc ngữ hoặc ngôn ngữ chính thức của một nhà nước. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp chuyển sang thời kì gay go, ác liệt nhất, Nhà nước VNDCCH quyết định cải cách giáo dục để tạo nguồn nhân lực hùng mạnh cho tiền tuyến cũng như hậu phương. Hệ thống giáo dục rút xuống còn 9 năm với 3 cấp học, các chương trình bị cắt giảm, còn ngoại ngữ thì thôi hẳn không dạy học nữa.

Tuy nhiên do sớm nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ, nên ngay năm 1955 sau khi về thủ đô, Đảng và Nhà nước đã quyết định cho mở trường ngoại ngữ đầu tiên để đào tạo gấp đội ngũ cán bộ ra phục cho tất cả các ngành bước vào khôi phục kinh tế và củng cố quốc phòng trên miền Bắc. Song định hướng chung này chỉ nặng ý nghĩa chính trị-ngoại giao hơn là ý nghĩa giáo dục của một môn văn hoá cơ bản trong trường phổ thông. Bởi thế Bộ Giáo dục không có một chiến lược giáo dục ngoại ngữ rõ ràng, cụ thể, ổn định lâu dài, mà chạy theo những biến động chính trị ngoại giao tức thời, nên đã không đề ra được quy hoạch, kế hoạch phát triển bộ môn ngoại ngữ nói chung và từng thứ tiếng nói riêng ở các cấp học phổ thông; không có chương trình bộ môn quy định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp; không có đội ngũ giáo viên và sách giáo khoa phù hợp về số lượng và chất lượng với nhu cầu và điều kiện thực tiễn. Do đó qua hơn chục năm dạy học ngoại

ngữ, mà hiệu quả giáo dục chẳng có là bao. Khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng về làm việc với lãnh đạo Bộ Giáo dục và trường Đại học Sư phạm Hà Nội ngày 10-7-1967 đã có nhận xét rất xác đáng: “Tôi đồng ý với anh Thông (*Hiệu trưởng ĐHSPhN*) là anh làm cấp III trước. Nhưng mà dạy cấp III để nó ra nó làm cái gì, thì cũng chưa ai biết. Thật đấy! Cho nên những cái này phải suy nghĩ, các đồng chí ạ....Tôi đồng ý cấp III là bởi vì anh muốn làm nữa, nhưng mà anh làm không được. Nhưng làm cấp III để làm gì, tôi lại không trả lời được” (2). Và thực tế đã cho thấy là tất cả học sinh tốt nghiệp cấp III đều chưa nắm được 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ giao tiếp tối thiểu ban đầu, nghĩa là **học ngoại ngữ 3 năm cấp III không để làm gì cả**. Nhận ra những bất cập đó cho nên Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền mới chủ trương phải nhanh chóng cho dạy học ngoại ngữ từ lớp 6 đến lớp 12, bắt đầu hợp tác với Liên Xô biên soạn và xuất bản toàn bộ hệ thống liên hoàn sách giáo khoa tiếng Nga cho cấp II - III. Kết quả là 7 bộ phức hợp sách giáo khoa tiếng Nga gồm có sách giáo khoa, sách hướng dẫn giáo viên và sách đọc thêm đã được đưa vào dạy học từ năm 1980. Từ góc độ giáo dục học ngoại ngữ hiện đại để xem xét chương trình và SGK tiếng Nga mới này cũng như các ngoại ngữ Anh, Pháp được biên soạn theo phương hướng giao tiếp, có thể rút ra được những điều bổ ích chủ yếu sau đây:

1. Chương trình và phức hợp sách giáo khoa tiếng Nga đã xác định và thể hiện rõ mục đích bồi dưỡng lí tưởng, đạo đức cách mạng, trang bị kiến thức ngôn ngữ-văn hoá Nga và hình thành các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Nga làm công cụ tiếp thu tinh hoa văn hoá Nga và giới thiệu văn hoá Việt ra nước ngoài.

2. Chương trình đặt rõ mục tiêu cho toàn khoá là phải nâng cao trình độ văn hoá

chung trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội của Liên Xô và Việt Nam, phải nắm được kiến thức ngôn ngữ Nga hiện đại có hệ thống và tương đối hoàn chỉnh. Về thực hành giao tiếp, mục tiêu đặt ra là phải rèn luyện cho học sinh nắm chắc 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo 3 giai đoạn: giai đoạn 2 năm đầu hướng trọng tâm vào rèn luyện kỹ năng hội thoại (nghe-nói), giai đoạn 2 năm giữa chú trọng hơn các kỹ năng đọc, viết để cân bằng đồng bộ 4 kỹ năng cơ bản, giai đoạn 3 năm cuối chuyển trọng tâm sang nâng cao kỹ năng đọc hiểu văn bản để hoàn thành mục tiêu chung của bộ môn ngoại ngữ trong trường phổ thông.

3. Hệ thống phương pháp được lựa chọn cho môn học là phương pháp giao tiếp tích cực - cá thể hoá do hai chủ biên Vjatjeenev và Bùi Hiền đề xướng với hai nguyên tắc cơ bản là: “nguyên tắc giao tiếp tích cực” và “nguyên tắc hướng toàn bộ việc giảng dạy của giáo viên phục tùng trọn vẹn việc nắm vững ngoại ngữ của học sinh” (3). Nghĩa là nguyên tắc thứ nhất là rèn luyện khả năng chủ động lựa chọn và thực hiện chương trình hành động lời nói liên tục theo tình huống giao tiếp cụ thể. Còn nguyên tắc thứ hai quy định phải phân chia nội dung dạy học ra thành hai phần cứng và mềm với 3 mức độ khác nhau cả về kiến thức lẫn kỹ năng: mức độ tối thiểu, mức độ trung bình, mức độ tối đa để phù hợp với 3 loại đối tượng học sinh khác nhau: yếu kém, trung bình và khá giỏi, do đó loại bỏ lối dạy học theo kiểu cào bằng gây ra quá tải với học sinh yếu kém và non tài với học sinh khá giỏi như trước đây.

4. Chương trình rất coi trọng việc ôn tập, kiểm tra và đánh giá theo nguyên tắc học gì thi nấy đúng như yêu cầu của từng năm học và từng giai đoạn dạy học. Đặc biệt là chương trình và sách giáo khoa tiếng Nga không chấp nhận kiểu thi “trắc nghiệm” kiểu Mỹ, vì nó phản sư phạm, trái ngược với

nguyên tắc tự giác tích cực của sách giáo khoa tiếng Nga. Gần đây chính tổng thống đương nhiệm Barack Obama của Hoa Kỳ đã phải ra quyết định **“loại bỏ chương trình thi trắc nghiệm theo đề thi quốc gia thống nhất để xét tốt nghiệp và xét tuyển vào đại học, cao đẳng”** bởi vì **“Hơn 10 năm nay, hệ thống thi theo kiểu 2 trong 1 được coi là bệnh nan y của nền giáo dục Mỹ”** và ông cảnh báo: **“Mỹ đang phải đối mặt với nguy cơ tụt hậu về giáo dục, nhất là giáo dục phổ thông”** (4).

Song thật đáng tiếc là cơ quan chỉ đạo chuyên môn từ Bộ trở xuống đến các trường đều không nắm được những thay đổi có tính đột phá giai đoạn kể trên của chương trình và sách giáo khoa tiếng Nga thế hệ mới, do đó mọi công văn chỉ đạo, hướng dẫn gửi về các trường đều theo lối cũ, khiến cho **những ưu điểm của chương trình và sách giáo khoa đã bị vô hiệu hoá** và gây rối loạn thêm cho cả quá trình dạy học của các trường. Chẳng hạn như: người ta không cho dạy cuốn chiếu từ lớp 6 lên, mà lại lấy sách cấp II cho cấp III học từ đầu để mong sớm phủ kín cấp III rồi mới toả dần xuống cấp II. Kết quả là cấp III phủ gần kín 3 năm ngoại ngữ “chẳng để làm gì”. Nhưng còn cấp II thì thiếu thầy, thiếu sách, thiếu thời gian...Hệ quả là khi lên cấp III hay vào đại học **tất cả đều phải học lại từ đầu**. Hoặc giả như, người ta vẫn quan niệm chương trình và sách giáo khoa như một văn bản pháp quy nghiêm ngặt, mà bỏ qua nguyên tắc cá thể hoá theo trình độ của 3 đối tượng học sinh. Thế là hằng năm để giảm tải, Bộ hướng dẫn cắt bỏ chương trình và sách giáo khoa một cách cơ học, phi giáo học pháp, khiến cho hệ thống sư phạm của sách bị phá vỡ lung tung, không còn mang tính kế thừa liên tục nữa. Rồi đến cả công việc kiểm tra, đánh giá Bộ cũng không theo sát yêu cầu dạy học từng giai đoạn: giai đoạn 2 năm đầu yêu cầu trọng

tâm là nghe nói hội thoại, thì Bộ chỉ ra một đề thi viết đồng loạt. Vì sợ dạy theo đúng sách giáo khoa thì kết quả thi sẽ kém, nên các giáo viên buộc phải bỏ luyện tập “nghe - nói” và tự soạn thêm bài ngữ pháp để cho học sinh học viết. Tình trạng lộn xộn ấy cho thấy rõ là một mình chương trình và sách giáo khoa dù có tiên tiến, hiện đại đến mấy mà cán bộ chỉ đạo không nắm được những nguyên tắc cơ bản của CT và SGK, thì đương nhiên không thể chờ đợi kết quả tốt đẹp cho bất kì môn học nào trong nhà trường phổ thông.

Tuy nhiên cũng may là các tỉnh, thành phố có những trường chuyên và lớp chuyên tiến hành dạy học tiếng Nga theo sát quy trình chỉ dẫn sư phạm từ lớp 6 đến lớp 12, nên đều đã đạt kết quả đáng khích lệ: bằng chứng là các đoàn Olimpic tiếng Nga cả cấp II và cấp III của Việt Nam luôn luôn được xếp ở hạng cao, đứng trên cả nhiều đoàn từ các nước châu Âu, châu Mỹ, mặc dù tiếng Nga đối với họ dễ học hơn so với học sinh Việt Nam.

Khi chủ trương phân ban của Bộ không thành, Quốc hội ra Nghị quyết số 40/2000/QH 10 yêu cầu đổi mới giáo dục. Từ năm 2003 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trương cho soạn lại toàn bộ chương trình, sách giáo khoa tất cả các bộ môn của 7 lớp bậc trung học kèm theo bộ chuẩn kiến thức cho mỗi năm học và đã bắt đầu được triển khai trong cả nước.

Tuy nhiên thật bất ngờ, bất hợp lí và rất khó hiểu là vì sao toàn bộ chương trình và sách giáo khoa của 4 môn ngoại ngữ Anh, Nga, Trung, Pháp vừa mới được in ấn xong cho cả 7 lớp vào năm 2008 và chưa dạy hết một vòng để đánh giá và rút kinh nghiệm, thì tháng 9-2008 Phó thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân đã kí “Quyết định về việc phê duyệt Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”. Đề án

đã bỏ qua mục đích giáo dục cơ bản của bộ môn ngoại ngữ, còn mục tiêu chung thì chỉ tập trung vào yêu cầu **hướng ngoại** (5):

“1. Mục tiêu chung:

Đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ ở các cấp học, trình độ đào tạo, **nhằm đến năm 2015 đạt được một bước tiến rõ rệt về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ của nguồn nhân lực**, nhất là đối với một số lĩnh vực ưu tiên.

2. Mục tiêu cụ thể:

“a/ Triển khai chương trình giáo dục 10 năm, bắt đầu từ lớp 3 môn ngoại ngữ bắt buộc ở các cấp học phổ thông. Từ năm 2010 -2011 triển khai dạy ngoại ngữ theo chương trình mới khoảng 20% số lượng học sinh lớp 3 và mở rộng dần quy mô để đạt khoảng 70% vào năm học 2015-2016; 100% vào năm 2018-2019”. (tr.1, QĐ-TTg-1400) “*Giai đoạn 2008-2010 : hoàn thành việc xây dựng CT và biên soạn SGK ở phổ thông theo chương trình 10 năm*” (tr.7, QĐ-TTg-1400) (6).

Thế nhưng cho đến cuối năm học 2009-2010 vẫn chưa thấy Bộ công bố chương trình và sách giáo khoa ngoại ngữ “đổi mới” cho toàn dân biết. Tuy nhiên môn tiếng Anh đã được chuyên gia giúp đỡ gấp rút biên soạn (cho dù chỉ là sơ thảo) trong vòng 2 năm cho cả hệ thống chương trình và sách giáo khoa cho 10 năm để kịp bắt đầu áp dụng vào tháng 9-2010 này. Nếu đúng như vậy thì đây quả là một công trình khoa học (hay phản khoa học?) đồ sộ được cho ra đời siêu tốc độ chưa từng thấy trên thế giới. Nếu không phải như vậy thì chắc chắn là phải lấy nguyên xi một bộ chương trình và sách giáo khoa tiếng Anh ở đâu đó về áp đặt cho nhà trường Việt Nam. Điều này càng nguy hiểm hơn cho “nguồn nhân lực” hiện tại và tương lai về cả phương diện giáo dục lẫn phương

diện chính trị và **an ninh văn hoá** của Việt Nam (7). Song cho dù thế nào đi chăng nữa thì chương trình và sách giáo khoa ngoại ngữ sắp tới đều bắt buộc phải đảm bảo đầu ra về trình độ năng lực tiếng Anh cho học sinh như quy định trong Đề án, “gồm 6 bậc tương thích với các tiêu chí xác định 6 bậc do Hiệp hội tổ chức khảo thí ngoại ngữ châu Âu đã ban hành (viết tắt là KNLNN), trong đó bậc 1 là bậc thấp nhất và bậc 6 là bậc cao nhất” (8) .

Cho đến giờ phút này “cái khung trình độ năng lực ngoại ngữ thống nhất, chi tiết” của Bộ Giáo dục và Đào tạo vẫn chưa thấy ban hành chính thức công khai, nên lại càng không có căn cứ cụ thể để nhận xét chương trình và sách giáo khoa . Tuy nhiên chỉ dựa vào 6 bậc trình độ của KNLNN không thôi cũng có thể suy đoán ra được những điểm mấu chốt nhất của chương trình và sách giáo khoa Việt Nam (nếu thực sự là có soạn). Đó là:

- Bỏ qua mục đích cơ bản bồi dưỡng nhân cách trong quá trình giáo dục ngoại ngữ cho học sinh Việt Nam, bởi lẽ nếu chương trình và sách giáo khoa bộ môn tiếng Anh phải thể hiện đầy đủ cả mục đích hướng ngoại và hướng nội như đã nêu ở phần đầu, thì sẽ không thể tương thích được với KNLNN.

- Chỉ cần tập trung trau dồi kiến thức đất nước học Anh-Mĩ (nếu lại là phiên bản của TOEFL, thì chỉ có Mĩ không thôi) và chủ yếu cần phải rèn luyện các kĩ năng nghe, đọc để tiếp thu kiến thức nước ngoài, ngược lại sẽ không cần bổ sung kiến thức văn hoá Việt Nam làm cơ sở để so sánh, chọn lọc đúng những tinh hoa nước ngoài phù hợp với Việt Nam, đồng thời cũng không đòi hỏi phải nâng cao các kĩ năng nói, viết để có thể truyền đạt đầy đủ, chính xác các quan điểm của Việt Nam và có thể bảo vệ các giá trị văn hoá dân tộc trước sức mạnh bành trướng

của văn hoá ngoại lai từ chính quốc đang tràn ngập thế giới trong quá trình hội nhập WTO.

Tóm lại, khuyến nghị của chúng tôi là: ngoại ngữ luôn luôn là con dao hai lưỡi có đường lối giáo dục ngoại ngữ đúng đắn để nắm chắc và khôn khéo sử dụng nó thì sẽ thu được những lợi ích rất to lớn cho đất nước, ngược lại nếu chủ trương nhắm mắt bắt chước người khác và chỉ biết dập khuôn làm theo chủ ý của nước ngoài, thì hậu quả sẽ khôn lường, không đơn thuần trong một lĩnh vực giáo dục, mà còn đối với cả các mặt chính trị, ngoại giao, văn hoá, quân sự, thậm chí là an ninh quốc gia nữa. Bởi vì như "các chuyên gia ngoại ngữ Anh-Mĩ Phillipson (1992), Pennycook (1994, 1998) và Holliday (2005) từ góc độ của người "trong cuộc", người "da trắng" và giáo viên tiếng Anh người bản ngữ, họ đã thẳng thắn muốn gửi gắm một thông điệp đến tất cả giáo viên tiếng Anh rằng đừng bao giờ để mình và mọi người bị ám ảnh bởi cái gọi là "siêu việt" và tiên tiến của phương pháp giảng dạy phương Tây. Tất cả những ai làm trong ngành công nghiệp giảng dạy tiếng Anh cũng cần nhận thức rằng ngành công nghiệp giảng dạy tiếng Anh chưa bao giờ và không bao giờ vô tư hay phi chính trị cả". (9) . "Những học giả này cho rằng không thể có một thứ tiếng Anh phi chính trị được, bởi tiếng Anh là một công cụ có thể nói là mạnh nhất đang được sử dụng vào nhiều mục đích chính trị khác nhau trên thế giới từ trước đến nay" (10). Xin cảm ơn các vị đồng nghiệp về những ý nghĩ chân thành, rất chính xác nêu trên.

Thiết nghĩ Bộ Giáo dục và Đào tạo nên thực sự cầu thị mà lắng nghe những lời nhắn nhủ này của họ, mà thực chất những nội dung tương tự cũng đã được nhiều nhà giáo Việt Nam nói ra từ lâu, nhưng không được

chấp nhận, có lẽ chỉ vì "Bụt chùa nhà không thiêng".

1- Những v/d giáo dục NN trong quá trình hội nhập. Bùi Hiền. Tc Nghiên cứu châu Âu, số 9-2007, tr.52.

2- Một số vấn kiện về việc dạy và học ngoại ngữ. ĐHSPPNNHN, 1973, tr.6-7.

3- Sách giáo viên, Tiếng Nga quyển 1, tr. 4-12. Bùi Hiền và Vi-a-chut-nhép chủ biên, Mat-xơ-va, 1986.

4- Tien phong online, Giáo dục-Du học, Thứ tư, 03/02/2010, « Mĩ bỏ kì thi '2 trong 1 ».

5- Xem thêm bài « Mục đích và phương pháp dạy học ngoại ngữ trong hội nhập toàn cầu ». Bùi Hiền, Tc Khoa học giáo dục, số 3-2009.

6- Số 1.400/QĐ-TTg Về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020.

7- Xem thêm bài "Sự thiên lệch về giáo dục ngoại ngữ có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia ». Bùi Hiền, Tc Khoa học và giáo dục an ninh, số 1-2010, tr. 65-66.

8- Số 1.400/QĐ-TTg đã nêu trên, tr.2.

9 và 10- Tiếng Anh trong các nền văn hoá khác nhau. Kỉ yếu Đề tài nghiên cứu của Viện Đại học mở Hà Nội, 2006, tr. 61 và tr. 76.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-09-2010)

Hội nhập năm châu

**Không quên lãng thuần
phong người Việt**

Giao lưu bốn bể

**Chẳng phai nhòa mĩ tục
nước Nam**

MINH NGỌC